

STT	TEN_THUOC	DON_VI_TINH	HAM_LUONG	SO_DANG_KY	DON_GIA
1	Seduxen 5mg	viên	5mg	VN-19162-15	1260
2	Diazepam 10mg/2ml	Ống	10mg/2ml	VD-25308-16	13300
3	Agifamcin 300	Viên	300mg	893110053423	2180
4	CEFOVIDI	lọ	1g	VD-31975-19	5250
5	Cepemid 1g	Lọ	500mg ; 500mg	VD-26896-17	51035
6	Gentamicin 80mg	Ống	80mg	VD-25858-16	1087
7	Vinsolon	Lọ	40mg	VD-19515-13	6090
8	Vinsalmol 5mg	Ống	5mg/5ml	VD-35063-21	99000
9	Cefotaxime 1000	Lọ	1g	VD-19007-13	7140
10	Imexime 100	Gói	100mg	VD-30398-18	6804
11	Ama-Power	Lọ	1g ; 0,5g	VN-19857-16	62000
12	Senitram 1g/0,5g	Lọ	1g ; 0,5g	VD-34944-21	23500
13	Faszeen	Gói	250mg	893110096823	6000
14	AMLODAC 5	Viên	5mg	VN-22060-19	235
15	Vinsalmol 5mg	Ống	5mg/5ml	VD-35063-21	99000
16	Bidicarlin 1,6g	Lọ	1,5g + 0,1g	VD-32999-19	96999
17	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9% ; 500ml	VD-35956-22	7350
18	Ceraapix	Lọ	1g	VD-20038-13	3000
19	Derdiyok	Viên	10mg	VD-22319-15	930
20	Fortraget Inhaler 200mcg + 6mcg	Bình xịt	200mcg + 6mcg	VN-22022-19	173000
21	Vinsalpium	Ống	(2,5mg+0,5mg)/2,5ml	VD-33654-19	12600
22	Mediphyllamin	Viên	250mg	VD-24351-16	1900
23	Thuốc ho Astemix	Chai	500mg; 125mg; 0,883mg/ml	VD-33407-19	27300
24	Quy tỳ dưỡng tâm OPC	Gói	64mg; 64mg; 64mg; 64mg; 32mg; 32mg; 16mg; 6,4mg; 6,4mg; 64mg; 16mg	VD-30461-18	4200
25	Dầu nóng mặt trời	Chai	Mỗi chai 20ml chứa: 2,1g; 2,48g; 0,11g; 6,21g; 0,63g	VD-30948-18	25200
26	Hoạt huyết Thephaco	Viên	Cao đặc non nột dược liệu (tương đương với: Đương quy 300mg, Sinh địa 300mg, Xuyên khung 60mg, Ngưu tất 140mg, Ích mẫu 140mg) 165,22 mg	VD-21708-14	850
27	Viên đại tràng Inberco	Viên	154,7mg, 40mg, 216mg, 53,4mg	VD-26211-17	1260
28	Thuốc ho trẻ em OPC	Chai	(16,2g; 1,8g; 2,79g; 1,8g; 1,8g; 2,7g; 1,8g; 0,9g; 1,8g; 18mg)90ml	VD-24238-16	23100

29	Thuốc ho người lớn OPC	Chai	(16,2g; 1,8g; 2,79g; 1,8g; 1,8g; 2,7g; 1,8g; 0,9g; 1,8g; 18mg; 18mg)90ml	VD-25224-16	23100
30	Hoàn bổ trung ích khí TW3	Viên	1,12g; 0,9g; 0,26g; 0,26g; 0,26g; 0,26g; 0,23g; 0,23g; 0,04g	VD-26303-17	3360
31	Tuần hoàn não Thái Dương	Viên	Cao khô rễ gừng rang (tương đương gừng rang 1,32g) 0,2g; Cao khô lá bạch quả(tương đương lá bạch quả 0,33g) 0,033g; Cao đậu tương lên men 0,082g	VD-27326-17	2916
32	Atiliver Diệt hạ châu	viên	Cao khô dược liệu 180mg tương đương: 800mg; 200mg; 200mg; 200mg	VD-22167-15	1950
33	Virelsea	Viên	1500mg; 250mg; 250mg	VD-32915-19	3500
34	Ampelop	Viên	Cao đặc lá Chè dây(7:1) 625mg	VD-23887-15	1278
35	Berodual	Bình	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	VN-17269-13	132323
36	Ventolin Inhaler	Bình xịt	100mcg/liều xịt	VN-18791-15	76379
37	DIAPHYLLIN VENOSUM	Ống	240mg	VN-19654-16	17500
38	A.T Ketoconazole 2%	Tuýp	100mg/5g	VD-35727-22	3045
39	A.T Salbutamol inj	Ống	0,5mg/ml	VD-31593-19	2010
40	Acecyst	Gói	200mg	VD-23483-15	470
41	Acetylcysteine 100mg	Gói	100mg	VD-35587-22	435
42	Acid tranexamic 500mg	Viên	500mg	VD-26894-17	1547
43	Agiclari 500	Viên	500mg	VD-33368-19	1930
44	Alzental	Viên	400mg	VD-18522-13	2289
45	Acyclovir	Tuýp	5%; 5g	VD-24956-16	3650
46	Adrenalin	Ống	1mg/1ml	VD-27151-17	1195
47	Agicetam 400	Viên	400mg	VD-26091-17	252
48	Agicipro	Viên	500mg	VD-25602-16	570
49	Agifuros	Viên	40mg	VD-27744-17	105
50	Allopurinol	Viên	300mg	VD-25704-16	450
51	AMLODAC 5	Viên	5mg	VN-22060-19	235
52	Andonbio	Gói	75mg	VD-20517-14	1295
53	Arimenus 5mg	Lọ	5mg/10ml	VD-29701-18	105000
54	Atorvastatin 20	Viên	20mg	VD-21313-14	147
55	Augbidil	Lọ	1g + 200 mg	VD-19318-13	29900
56	Spiriva Respimat	Hộp	0,0025mg/nhát xịt	VN-16963-13	800100
57	Spironolacton Tab DWP 50mg	Viên	50mg	893110058823	1491
58	Ama-Power	Lọ	1g + 0,5g	VN-19857-16	62000

59	Aminazin 1,25%	Ống	25mg/2ml	VD-30228-18	2100
60	Bacom-BFS	Ống	25mg/5ml	VD-33151-19	31500
61	Bambuterol 20	Viên	20mg	VD-35816-22	999
62	Bidicarlin 1,6g	Lọ	1,5g + 0,1g	VD-32999-19	93996
63	Bivibact 500	Ống	500mg/4ml	VD-19950-13	27820
64	Buto-Asma	Bình	100mcg/liều	VN-16442-13	49000
65	Calci clorid 500mg/ 5ml	Ống	500mg/ 5ml	VD-22935-15	838
66	Carbocistein tab DWP 500mg	Viên	500mg	VD-35743-22	1659
67	Cefotaxone 1g	Lọ	1g	VD-23776-15	5376
68	Ceftanir	Viên	300mg	VD-24957-16	8300
69	Cepemid 1g	Lọ	500mg + 500mg	VD-26896-17	52800
70	Cezmeta	Gói	3g	VD-22280-15	730
71	Clorpheniramin maleat 4mg	Viên	4mg	VD-29267-18	32
72	Combiwave SF 125	Bình	25mcg + 125mcg	VN-18897-15	75800
73	Combiwave SF 250	Bình	25mcg + 250mcg	VN-18898-15	83800
74	Companity	Ống	670mg/ml	VD-25146-16	3300
75	Dexamethasone	Ống	4mg/1ml	VD-27152-17	710
76	DH-Metglu XR 1000	viên	1000mg	VD-27507-17	1869
77	Diamisu 70/30 Injection	Lọ	1000IU/ 10ml	QLSP-1051-17	52400
78	Dimedrol	Ống	10mg/1ml	VD-24899-16	465
79	Dobutamin-BFS	Ống	250mg/5ml	VD-26125-17	55000
80	Ediwel	Viên	75mg	VD-20441-14	1950
81	Esomeprazol 40	Viên	40mg	VD-34283-20	774
82	Fascapin-20	Viên	20mg	VD-18629-13	455
83	Faszeen	Gói	250mg	VD-24767-16	5450
84	Gentamicin 80mg	Ống	80mg	VD-25858-16	1020
85	Glaritus	Ống	100IU/ml	QLSP-1069-17	209000
86	Glimepiride 2mg	Viên	2mg	VD-34692-20	142
87	Glucosamin	Viên	500mg	VD-31739-19	250
88	Glucose 5%	Chai	5%/500ml	VD-35954-22	7392
89	Glycinorm-80	viên	80mg	VN-19676-16	1880
90	Idatril 5mg	Viên	5mg	VD-18550-13	3696
91	Kali clorid 10%	Ống	1g/10ml	VD-25324-16	1360

92	Lactated Ringer's	Chai	500ml	VD-35955-22	6678
93	Linanrex	Ống	1mg/1ml	VD-31225-18	22000
94	Lorastad 10 Tab.	Viên	10mg	VD-23354-15	850
95	Magnesi Sulfat Kabi 15%	Ống	15%; 10ml	VD-19567-13	2890
96	Medsamic 500mg/5ml	Ống	500mg/5ml	VN-19493-15	21500
97	Medskin fusi	Tube	0,2g/ 10g	VD-21213-14	13500
98	Menazin 200mg	Viên	200mg	VN-20313-17	3200
99	Metsav 850	Viên	850mg	VD-25264-16	465
100	Metronidazole/Vioser	Chai	500mg/100ml	VN-22749-21	18000
101	MONTENUZYD	Viên	10mg	VN-15256-12	725
102	NATRI CLORID 0,9%	Chai	0,9%/100ml	VD-35956-22	6350
103	Natri Clorid 0,9%	Chai	0,9%/500ml	VD-35956-22	5817
104	Novewel 80	Viên	80mg	VD-24189-16	1200
105	Ofloxacin 200mg/100ml	Chai	200mg/100ml	VD-35584-22	135000
106	Paracetamol 250mg	Gói	250mg	VD-32958-19	327
107	Parazacol	Viên	500mg	VD-22518-15	220
108	Pecrandil 10	Viên	10mg	VD-30394-18	2982
109	Promethazin	Tuýp	2%/10g	VD-24422-16	6300
110	Qbisalic	Tuýp	(6,4 mg + 300mg)/ 10g	VD-27020-17	8800
111	Savi Eprazinone 50	Viên	50mg	VD-21352-14	900
112	Senitram 1g/0,5g	Lọ	1g + 0,5g	VD-34944-21	25000
113	SMOFlipid 20%	Chai	(15g; 15g; 12,5g; 7,5g)/250ml	VN-19955-16	142000
114	Stiprol	Tuýp	2,25g/3g	VD-21083-14	6930
115	Sun-Nicar 10mg/50ml	Chai	10mg/50ml	VD-32436-19	95000
116	Tazopelin 4,5g	Lọ	4 g + 0,5 g	VD-20673-14	65982
117	Telfor 60	Viên	60mg	VD-26604-17	730
118	Tiphaneuron	viên	125mg + 125mg + 125mcg	VD-21897-14	820
119	Vancomycin	Lọ	500mg	VD-24905-16	15600
120	Viciamox	Lọ	1g + 0,5g	VD-27147-17	44000
121	Tobramycin 0,3%	Lọ	15mg/ 5ml	VD-27954-17	2719
122	Colchicin	Viên	1mg	VD-22172-15	270
123	Kali Clorid	Viên	500mg	VD-33359-19	660
124	Vina-AD	Viên	2000UI + 400UI	VD-19369-13	576
125	Vincomid	Ống	10mg/2ml	VD-21919-14	979

126	Vinopa	Ống	40mg/2ml	VD-18008-12	2200
127	Vinpara 1g	Ống	1g/10ml	VD-36170-22	20000
128	Vinphyton 10mg	Ống	10mg/1ml	VD-28704-18	1400
129	Vinsalmol 5	Ống	5mg/2,5ml	VD-30605-18	8400
130	Vinsalmol 5mg	Ống	5mg/5ml	VD-35063-21	94000
131	Vinsalpium	Ống	(2,5mg+0,5mg)/2,5ml	VD-33654-19	12600
132	Vinterlin	Ống	0,5mg/1ml	VD-20895-14	4800
133	Vitamin B6	Viên	250mg	VD-27923-17	225
134	Zensalbu nebules 2.5	Ống	2,5mg/2,5ml	VD-21553-14	4410
135	Zolmed 100	Viên	100mg	VD-21841-14	4600
136	Zondoril 5	Viên	5mg	VD-21853-14	523
137	Eperison 50	Viên	50mg	893110216023	242
138	Vitamin C	Viên	500mg	VD-31749-19	155
139	Vinzix	Ống	20mg/2ml	VD-29913-18	620
140	Cammic	Ống	250mg/5ml	VD-28697-18	1550
141	Agiclovir 400	Viên	400mg	VD-33369-19	720
142	Agitro 500	Viên	500mg	VD-34102-20	2630
143	Cefoperazone 1g	Lọ	1g	VD-31709-19	46000
144	Femancia	Viên	305mg+ 350mcg	VD-27929-17	567
145	Theresol	Gói	4g; 0,7g; 0,3g; 0,58g	VD-20942-14	1680
146	Diclofenac	Ống	75mg	VD-29946-18	760
147	Amigold 10%	Túi	10% 500ml	VN-22918-21	145000
148	Vitocalat	Lọ	3g +0,2g	VD-34292-20	98000
149	An thần ích trí	Viên	Cao khô 350mg gồm: 320mg; 960mg; 960mg; 640mg; 640mg	VD-29389-18	1740
150	Aspirin 81	Viên	81mg	893110233323	63
151	Glucose 10%	Chai	10%/500ml	VD-35953-22	8610
152	NATRI CLORID 0,9%	Chai	0,9% /250ml	893110118423	7350
153	Wosulin-R	Lọ	400UI	VN-13426-11	91000
154	Metronidazol	Viên	250mg	VD-22175-15	134
155	Zensonid	Lọ	0,5mg/2ml	VD-27835-17	12600
156	Ethambutol 400mg	Viên	400mg	VD-20750-14	1300
157	Meko INH 300	Viên	300mg	893110060123	360
158	Pyrazinamide 500mg	Viên	500mg	VD-24414-16	509
159	Turbe	Viên	150mg + 100mg	VD-20146-13	1748

160	Turbezyd	Viên	150mg + 75mg + 400mg	VD-26915-17	2798
161	Trepmycin	Lọ	1g	VD-18364-13	4298
162	Agifamcin 300	Viên	300mg	893110053423	2180
163	Fortraget Inhaler 200mcg+6mcg	Bình xịt	200mcg + 6mcg	VN-22022-19	173000
164	AMLODIPINE STELLA 5MG	Viên	5mg	893110390023	378
165	Seduxen 5 mg	Viên	5mg	599112027923	1260
166	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Ống	10mg/ml	VD-24315-16	7000
167	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/5ml	VD-26911-17	1492
168	Magnesi B6	Viên	470mg + 5mg	VD-28004-17	122
169	Vitamin PP 50mg	Viên	50mg	VD-25218-16	91
170	Nước cất tiêm	Ống	5ml	VD-23768-15	650
171	Midatan 500/125	Viên	500mg + 125mg	VD-22188-15	1647
172	Vinsolon	Lọ	40mg	893110219923	6800
173	Glucose 30%	Ống	1,5g/5ml	VD-24900-16	1000
174	Pethidine-hameln 50mg/ml	Ống	100mg/2ml	VN-19062-15	19488
175	Zodalan	Ống	5mg/1ml	VD-27704-17	15750
176	Ofloxacin	Lọ	200mg/100ml	VD-31215-18	91000
177	Vinphason	Lọ	100mg	893110219823	6120
178	Sodium chloride 0,9% & dextrose 5%	Chai	Mỗi chai 250ml chứa: Natri clorid 2,25g; Dextrose tương đương Dextrose khan 12,5g	VD-20961-14	12500
179	Atropin Sulfat	Ống	0,25mg/1ml	VD-24897-16	430
180	Diclofenac	Viên	50mg	VD-29907-18	90
181	Cefpodoxim 200	Viên	200mg	893110301623	1589
182	Terpin-Codein 15	Viên	100mg + 15mg	893111302523	595
183	Derdiyok	Viên	10mg	VD-22319-15	724
184	Diclofenac	Viên	50mg	893110303923	90
185	Zodalan	Ống	5mg/1ml	893112265523	15750
186	Agifuros	Viên	40mg	VD-27744-17	105
187	Companity	Ống	670mg/ml	VD-25146-16	3300
188	Vancomycin	Lọ	500mg	VD-24905-16	15600
189	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	Ống	10mg/ml	893111093823	7000
190	Dexamethasone	Ống	4mg/1ml	893110172124	710

191	Magnesi B6	Viên	470mg + 5mg	893100322824	122
192	Kali Clorid	Viên	500mg	893110627524	660
193	Paracetamol 250mg	Gói	250mg	893100490024	327
194	Pecrandil 10	Viên	10mg	893110154424	2982
195	Combiwave SF 125	Bình	25mcg + 125mcg	890110028823	75800
196	Atropin Sulfat	Ống	0,25mg/1ml	893114603624	430
197	Methylprednisolon 4mg	Viên	4mg	893110061623	880
198	Sastan-H	viên	25mg +12,5mg	VN-21987-19	2504
199	Dimedrol	Ống	10mg/1ml	893110688824	465
200	Lorastad 10 Tab.	Viên	10mg	893100462624	850
201	Derdiyok	Viên	10mg	893110481824	724
202	Agicipro	Viên	500mg	893115380124	570
203	Ofloxacin	Lọ	200mg/100ml	893115445924	91000
204	Glucose 30%	Ống	1,5g/5ml	893110712124	1000
205	Terpincold	Viên	100mg + 15mg	VD-28955-18	600
206	Glucosamin	Viên	500mg	893100389124	250
207	Vitamin B6	Viên	250mg	893110288723	225
208	Diclofenac	Ống	75mg	893110081424	760
209	Metronidazol	Viên	250mg	893115886624	134
210	Vinsalpium	Lọ	(2,5mg+0,5mg)/2,5ml	893115604024	12600
211	Vinsalpium	Ống	(2,5mg+0,5mg)/2,5ml	893115604024	12600
212	Zensonid	Lọ	0,5mg/2ml	893110281923	12600
213	Colchicin	Viên	1mg	893115483724	270
214	Vitamin C	Viên	500mg	893110416324	155
215	Faszeen	Gói	250mg	893110096823	5450
216	Agicetam 400	Viên	400mg	893110429024	252
217	Acecyst	Gói	200mg	893100204500	470
218	Cepemid 1g	Lọ	500mg + 500mg	893110484924	52800
219	Tobramycin 0,3%	Lọ	15mg/ 5ml	893110668324	2719
220	Acid tranexamic 500mg	Viên	500mg	893110666824	1547
221	Augbidil	Lọ	1g + 200 mg	893110092423	29900
222	Mediphyllamin	Viên	250mg	893200128200	1900
223	Zensalbu nebules 2.5	Ống	2,5mg/2,5ml	893115019000	4410
224	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/5ml	893110485224	1492

225	Midatan 500/125	Viên	500mg + 125mg	893110540924	1647
226	Medskin fusi	Tube	0,2g/ 10g	893110267823	13500
227	Enpovid Fe - Folic	viên	60mg + 0,25mg	VD-20049-13	800
228	Arimenus 5mg	Lọ	5mg/10ml	VD-29701-18	105000
229	Metsav 850	Viên	850mg	893110163724	465
230	Terpincold	Viên	100mg + 15mg	893111215600	600
231	Tuần hoàn não Thái Dương	Viên	Cao khô rễ gừng (tương đương gừng tươi 1,32g) 0,2g; Cao khô lá bạch quả (tương đương lá bạch quả 0,33g) 0,033g; Cao đậu tương lên men 0,082g	893200131600	2916
232	Agiclar 500	Viên	500mg	893110204700	1930
233	Dầu nóng mặt trời	Chai	Mỗi chai 20ml chứa: 2,1g; 2,48g; 0,11g; 6,21g; 0,63g	893100706624	25200
234	Telfor 60	Viên	60mg	893100013900	730
235	Nước cất tiêm	Ống	5ml	893110038000	650
236	Pyrazinamide 500mg	Viên	500mg	893110493024	509
237	Adrenalin	Ống	1mg/1ml	893110172024	1195
238	Vinzix	Ống	20mg/2ml	893110305923	620
239	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Ống	40mg/2ml	VD-23764-15	480
240	Buto-Asma	Bình	100mcg/liều	840115067923	49000
241	Agiclovir 400	Viên	400mg	893110204800	720
242	Atorvastatin 20	Viên	20mg	893110291000	147
243	Kali clorid 10%	Ống	500mg/5ml	VD-25325-16	855
244	Vinopa	Ống	40mg/2ml	VD-18008-12	2500
245	Vinzix	Ống	20mg/2ml	893110305923	604
246	Colchicin	Viên	1mg	893115483724	550
247	Kavasdin 5	Viên	5mg	VD-20761-14	110
248	Glucose 5%	Chai	5%; 500ml	VD-35954-22	7140
249	Metsav 850	Viên	850mg	893110163724	463
250	Metronidazol Kabi	Chai	500mg/100ml	VD-26377-17	5723
251	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9%; 500ml	VD-35956-22	5838
252	Meloxicam	Viên	7,5mg	893110437924	84
253	Ciprofloxacin	viên	500mg	893115287023	496
254	Glimepiride 2mg	viên	2mg	VD-34692-20	122
255	Allopurinol	Viên	300mg	893110064024	375
256	Panactol	Viên	500mg	893100024300	76
257	Verospiron 25mg	Viên	25mg	VN-16485-13	3125
258	Glucose 10%	Chai	10%; 500ml	VD-35953-22	8589

259	Diclofenac	Viên	50mg	893110303923	77
260	Dobutamin 250mg/50ml	Lọ	250mg/50ml	893110155723	79000
261	Pecrandil 5	Viên	5mg	893110436924	1995
262	Nước cất pha tiêm 5ml	Ống	5ml	893110124925	504
263	AGI-VITAC	Viên	500mg	893110380524	139
264	AGIFUROS	Viên	40mg	893110255223	86
265	Gentamicin 80mg/2ml	Ống	80mg/2ml	893110684224	1008
266	Paracetamol 10mg/ml	Túi	1g/100ml	893110055900	8800
267	Mezaterol 20	Viên	20mg	893110286423	462
268	Magnesi sulfat Kabi 15%	Ống	1,5g/10ml	VD-19567-13	2900
269	Turbezid	Viên	150mg + 75mg + 400mg	893110160824	2798
270	AGICLOVIR 400	Viên	400mg	893110204800	640
271	Vitamin B6 100mg	Viên	100mg	893110630924	205
272	Aminazin 1,25%	Ống	25mg/2ml	893115701024	2100
273	Derdiyok	Viên	10mg	893110481824	1400
274	Gludipha 500	Viên	500mg	893110602124	157.5
275	Mednason 16	Viên	16mg	VD-35074-21	247
276	Vitamin B6 100mg	Viên	100mg	VD-25766-16	205
277	Danapha-Telfadin	Viên	60 mg	VD-24082-16	1890
278	Enalapril	Viên	5mg	893110216900	90
279	Drotaverin	viên	40mg	893110039824	140
280	Atorvastatin 10	Viên	10mg	893110290900	92
281	Calci clorid	Ống	500mg/5ml	893110711924	810
282	Esomeprazol 40mg	Viên	40mg	893110354123	425
283	Ciprofloxacin IMP 200mg/20ml	Lọ	200mg/20ml	VD-35187-21	66500
284	Savi Eprazinone 50	Viên	50mg	VD-21352-14	890
285	A.T Salbutamol 5mg/5ml	Ống	5mg/5ml	893115208600	96600
286	A.T Salbutamol 5mg/5ml	Ống	5mg/5ml	VD-34122-20	96600
287	Setblood	Viên	115mg + 100mg + 50mcg	VD-18955-13	1059
288	Setblood	Viên	115mg + 100mg + 50mcg	893110335924	1059
289	Nerusyn 1,5g	Lọ	1g + 0,5g	893110387824	42000
290	Greentamin	Viên	200mg + 0,75mg	893100217624	882

291	Dixirein Tab 500	Viên	500mg	VD-35180-21	1491
292	Symbicort Turbuhaler	Ống	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 60 liều	VN-20379-17	219000
293	SMOFlipid 20%	Chai	(15g + 15g + 12,5g + 7,5g)/250ml	VN-19955-16	155000
294	Polnye	Chai	Mỗi 200ml dung dịch chứa: L-Isoleucin 1500mg; L-Leucin 2000mg; L-Lysin acetat 1400mg; L-Methionin 1000mg; L-Phenylalanin 1000mg; L-Threonin 500mg; L-Tryptophan 500mg; L-Valin 1500mg; L-Alanin 600mg; L-Arginin (Dưới dạng L- Arginin hydroclorid) 600mg; L-Aspartic acid 50mg; L-Glutamic acid 50mg; L-Histidin (dưới dạng L-Histidin hydroclorid monohydrat) 500mg; L-Prolin 400mg; L-Serin 200mg; L-Tyrosin 100mg; Chứa 200mg	893110165623	100200
295	Qbixomuc 200	Gói	200mg	VD-29090-18	488
296	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9%; 100 ml	893110039623	5019
297	Ethambutol 400mg	Viên	400mg	893110437024	1300
298	Agilecox 200	Viên	200 mg	893110255523	944
299	Agilecox 200	Viên	200 mg	VD-25523-16	944
300	Alumag-S	Gói	800,4mg + 4596 mg + 80mg	893100066100	3405
301	Alumag-S	Gói	800,4mg + 4596 mg + 80mg	VD-20654-14	3405
302	Spiriva Respimat	Hộp	0,0025mg/nhát xịt	VN-16963-13	800100
303	Atiliver Diệp hạ châu	Viên	Cao khô được liệu 180mg tương đương: 800mg; 200mg; 200mg; 200mg	VD-22167-15	1950
304	Hoàn bổ trung ích khí TW3	Viên	1,12g; 0,9g; 0,26g; 0,26g; 0,26g; 0,26g; 0,23g; 0,23g; 0,04g	VD-26303-17	3276
305	Mediphyllamin	Viên	250mg	VD-24351-16	1900
306	Mediphyllamin	Viên	250mg	893200128200	1900
307	Viên đại tràng Inberco	Viên	Berberin clorid 40mg; Cao đặc quy về khan (tương ứng với Rễ Mộc hương 74,7mg; Quả Ngõ thù du 53,4mg; Rễ Bạch thực 216mg) 70mg; Bột mịn rễ Mộc hương 80mg	VD-26211-17	1260
308	Zensonid	Lọ	0,5mg/2ml	893110281923	12600
309	Paracetamol 10mg/ml	Túi	1g/100ml	VD-33956-19	8800
310	Mediphyllamin	Viên	250mg	893200128200	1900
311	Trepmycin	Lọ	1g	893110681724	4298
312	Berodual	Bình	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	VN-17269-13	132323
313	Vinphylin	Ống	240mg/5ml	893110448424	10500
314	Vinphylin	Ống	240mg/5ml	VD-32552-19	10500

315	Noradrenalin	Ống	4mg/4ml	VD-24342-16	16000
316	Trepmycin	Lọ	1g	893110101800	4298
317	Turbezid	Viên	150mg + 75mg + 400mg	893110160824	2798
318	Ethambutol 400mg	Viên	400mg	893110437024	1300
319	Zencombi	Lọ	(2,5 mg + 0,5mg) /2,5 ml	893115592124	12600
320	Zensalbu nebules 2.5	Ống	2,5mg/2,5ml	893115019000	4410
321	Arimenus 5mg	Lọ	5mg/10ml	VD-29701-18	105000
322	Senitram 1g/0,5g	Lọ	1g + 0,5g	VD-34944-21	29484
323	Cefotaxime 1g	Lọ	1g	893110159124	5298
324	Salboget Pressurised Inhalation 100mcg	Bình	100mcg/ liều x 200 liều	896115206723	45000
325	Midantin 250/31,25	Gói	250mg + 31,25mg	VD-21660-14	4000
326	Midozam 1,5g	Lọ	1g + 0,5g	893110069900	34995
327	Companity	Ống	670mg/ml	893100151224	3300
328	Zencombi	Lọ	(2,5 mg + 0,5mg) /2,5 ml	VD-26776-17	12600
329	Zensalbu nebules 5.0	Ống	5mg/2,5ml	VD-21554-14	8400
330	Zensalbu nebules 5.0	Ống	5mg/2,5ml	893115019100	8400
331	Zensalbu nebules 2.5	Ống	2,5mg/2,5ml	VD-21553-14	4410
332	Arimenus 5mg	Lọ	5mg/10ml	893115163825	105000
333	Dopamin-BFS	Ống	200 mg/5 ml	893110327100	22050
334	Cefoperazone 1g	Lọ	1g	893110387324	45000
335	Cefoperazone 1g	Lọ	1g	VD-31709-19	45000
336	Hayex	Viên	10mg	893110021100	1013
337	Hayex	Viên	10mg	VD-28462-17	1013
338	Combiwave SF 250	Bình	250µg (mcg) + 25µg (mcg)	VN-18898-15	100800
339	Combiwave SF 250	Bình	250µg (mcg) + 25µg (mcg)	890110029225	100800
340	Aspirin 81	Viên	81mg	893110257523	78
341	Aspirin 81	Viên	81mg	VD-29659-18	78
342	Levagim	Viên	500mg	VD-25612-16	910
343	Nupovel	Ống	10mg/ml	VN-22978-21	25290
344	Wosulin-R	Lọ	40IU/ml; 10ml	890410092323	91000
345	Pdsolone-40mg	Lọ	40mg	VN-21317-18	27000
346	Bivibact 500	Ống	500mg/4ml	893110167325	28800
347	Bivibact 500	Ống	500mg/4ml	VD-19950-13	28800

348	Apitim 5	viên	5mg	893110140124	580
349	Mazzgin	viên	470mg + 5mg	893100051524	630
350	Atropin sulfat	Ống	0,25mg/1ml	893114603624	640
351	Sismydine	Viên	50mg	893110304423	197
352	Adrenalin	Ống	1mg/1ml	893110172024	1200
353	Glucose 30%	Ống	1,5g/5ml	893110712124	1040
354	Vinsolon	Lọ	40mg	893110219923	14000
355	Vincomid	Ống	10mg/2ml	VD-21919-14	980
356	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9%; 100 ml	893110039623	5019
357	Clorpheniramin KP 4mg	Viên	4mg	893100204325	45
358	Tunadimet	Viên	75mg	893110288623	590
359	Loratadin 10	Viên	10 mg	VD-35820-22	250
360	Vitamin AD	Viên	4000UI + 400UI	893100174025	599
361	Vitamin AD	Viên	4000UI + 400UI	VD-29467-18	599
362	Agi-Calci	Viên	1250 mg + 200 IU	893100380024	1350
363	Agi-Calci	Viên	1250 mg + 200 IU	VD-23484-15	1350
364	Kali Clorid	Viên	500mg	893110627524	800
365	Kali Clorid	Viên	500mg	VD-33359-19	800
366	Ofloxacin 200mg/100ml	Túi	200mg /100ml	VD-35584-22	136000
367	Enterobella	Viên	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii 1.10 mũ 9 - 2.10 mũ 9 cfu	893400038623	2350
368	Enterobella	Viên	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii 1.10 mũ 9 - 2.10 mũ 9 cfu	QLSP-0794-14	2350
369	Biocemet tab 500mg/62,5mg	Viên	500mg; 62,5mg	893110809824	9200
370	Biocemet tab 500mg/62,5mg	Viên	500mg; 62,5mg	VD-33450-19	9200
371	Ofloxacin	Lọ	200mg/100ml	893115445924	86000
372	Ofloxacin	Lọ	200mg/100ml	VD-31215-18	86000
373	Dexamethasone	Ống	4mg/1ml	893110172124	688
374	Qbixomuc 200	Gói	200mg	893100069424	488
375	Ringer lactate	Chai	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2H2O 0,135g;	893110829424	6750
376	Ringer lactate	Chai	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3gKali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2H2O 0,135g;	VD-22591-15	6750
377	Wosulin-R	Lọ	40IU/ml; 10ml	VN-13426-11	91000
378	Thuốc ho Astemix	Chai	(2500mg; 625mg; 4,415mg)/5ml; 60ml	VD-33407-19	29400

379	Thuốc ho Astemix	Chai	(2500mg; 625mg; 4,415mg)/5ml; 60ml	893100264900	29400
380	Thuốc ho người lớn OPC	Chai	Mỗi chai 90ml chứa: Cao long được nấu 1:2 (tương đương với: Tỷ bà điệp 16,2g; Cát cánh 1,8g; Bách bộ 2,79g; Tiền hồ 1,8g; Tang bạch bì 1,8g; Thiên môn 2,7g; Phục linh Bạch linh 1,8g; Cam thảo 0,9g; Hoàng cầm 1,8g) 63ml; Cineol 18mg; Menthol 18mg	VD-25224-16	27720
381	Fortraget Inhaler 200mcg + 6mcg	Bình	(200mcg + 6mcg)/liều x 120 liều	VN-22022-19	173000
382	Dầu nóng mặt trời	Chai	Mỗi ml chứa: Methyl salicylat 31,05% (w/v); Camphor 10,50% (w/v); Tinh dầu quế (Aetheroleum Cinnamomi) 5,50mg; Tinh dầu Bạc hà (Aetheroleum Menthae arvensis) 124,00mg; Gừng (Rhizoma Zingiberis) 31,50mg	VD-30948-18	33600
383	Dầu nóng mặt trời	Chai	Mỗi ml chứa: 10,5%(w/v); 124mg; 5,5mg; 31,05%(w/v); 31,5mg	893100706624	33600
384	Thuốc ho người lớn OPC	Chai	(16,2g; 1,8g; 2,79g; 1,8g; 1,8g; 2,7g; 1,8g; 0,9g; 1,8g; 18mg; 18mg)90ml	VD-25224-16	27720
385	Dầu nóng mặt trời	Chai	Mỗi ml chứa: 10,5%(w/v); 124mg; 5,5mg; 31,05%(w/v); 31,5mg	VD-30948-18	33600
386	Invidtus	Gói	500mg	893100937224	4900
387	Tranexamic acid 250mg/5ml	Ống	250mg/5ml	893110485224	1715
388	Prafeno Inhaler	Bình	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	893110327600	130200